

CON NGƯỜI CHẤN THƯƠNG TRONG SÁNG TÁC CỦA ĐỖ HOÀNG DIỆU

Trương Phương Tuyền⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Sài Gòn

Ngày nhận bài 28/12/2023; Ngày gửi phản biện 5/01/2024; Chấp nhận đăng 28/01/2024

Liên hệ email: tuyentruongphuong1909@gmail.com

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2024.01.511>

Tóm tắt

Do đặc trưng của văn học, con người bị chấn thương luôn là đối tượng quan tâm của nhà văn. Bởi khi khắc họa về nó dễ gây nên niềm thương cảm nơi người đọc, tinh thần nhân văn dễ được đánh thức. Trong các sáng tác của Đỗ Hoàng Diệu tồn tại những con người mang tâm lý chấn thương, họ cố gắng vượt qua cảm giác sợ hãi, ám ảnh kéo dài. Đó là những cô gái bị chấn thương trên hành trình đi tìm tình yêu đích thực. Là những cô gái bị chấn thương do bị xâm hại về tình dục, và do tư tưởng Nho giáo lạc hậu, cổ hủ vây bủa con người từ thời phong kiến đến tận hôm nay. Ngoài ra, dưới góc nhìn so sánh sáng tác của nhà văn Đỗ Hoàng Diệu và nhà văn Kawabata, ta thấy được sự gặp gỡ giữa hai nền văn hóa Việt Nam và Nhật Bản trong vấn đề gây nên con người chấn thương.

Từ khóa: chấn thương, Đỗ Hoàng Diệu, Kawabata, khủng hoảng, tâm lý

Abstract

TRAUMATIZED PEOPLE IN THE COMPOSITIONS OF DO HOANG DIEU

Because of the characteristics of literature, traumatized people are always the subject of interest to writers. When they portray traumatized people, it can easily cause sympathy for the readers, and the humanistic spirit can easily be awakened. In Do Hoang Dieu's works, there are psychological trauma characters, who try to overcome a fear and a long-term obsession. These are traumatized girls on their journey to find true love, who were traumatized by sexual abuse, and by the backward, old-fashioned Confucianism that has surrounded people from feudal times until today. In addition, when comparing the literary works of the writers Do Hoang Dieu and the writers Kawabata, we can observe the convergence of the two cultures of Vietnam and Japan in the issue of causing human trauma.

1. Đặt vấn đề

“Chấn thương” (Trauma) vốn là một thuật ngữ y học có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp. Khi nhắc đến “chấn thương” người ta thường nghĩ ngay đến những thương tổn về thể chất do ngoại lực gây ra. Tuy nhiên, đến nửa sau thế kỉ XIX, đặc biệt tại Anh, thuật ngữ “chấn thương” được mở rộng ra bao gồm những thương tổn về tâm lý, về tinh thần. Lý thuyết chấn thương ra đời gắn liền với những biến đổi kinh hoàng của thế giới trong thế kỷ XX như thảm họa khủng bố và hủy diệt người Do Thái của phát-xít Đức (Holocaust và Auschwitz), trận bom nguyên tử ném xuống thành phố Hiroshima và Nagasaki của Nhật Bản trong đại chiến thế giới lần thứ hai. Những vết thương về thể chất có thể dễ dàng nhận thấy và chữa lành, nhưng những vết thương về tinh thần thường gây ám ảnh, trở thành nỗi đau dai dẳng mãi về sau. Chấn thương có thể đẩy con người tồn tại trong trạng thái khổ sở ngấm ngấm dai dẳng và liên tục tái diễn vết thương trong phần đời còn lại. Các nhân vật chính trong sáng tác của Đỗ Hoàng Diệu đa phần là con người bị chấn thương. Ở họ, có sự thức tỉnh và vượt qua khủng hoảng tâm lý với ý thức tìm kiếm bản thể, nhưng cũng có những con người chấp nhận phó mặc, buông xuôi, thậm chí lựa chọn cái chết để mong muốn được giải thoát. Bởi, những chấn thương giúp con người vượt thoát khỏi bế tắc trong quá khứ nhưng cũng có khi đẩy con người đến bế tắc, khủng hoảng tâm lý trên hành trình tìm lại chính mình.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Đỗ Hoàng Diệu lần đầu xuất hiện trên văn đàn với truyện ngắn *Tình chuột* năm 2003. Sau đó là tập truyện ngắn *Bóng đèn* gây được tiếng vang lớn trong đời sống văn học lúc bấy giờ Mười một năm sau, tác giả đã trở lại với một cơn sốt mới qua tiểu thuyết *Lam Vỹ*. Đến năm 2018, chị xuất bản tập truyện ngắn *Lung rỗng*. Từ khi xuất hiện trên văn đàn, Đỗ Hoàng Diệu luôn là một trong những nhà văn được giới nghiên cứu đánh giá cao. Tác phẩm của chị cũng trở thành đề tài cho nhiều công trình nghiên cứu khoa học. Có thể kể đến như: Lê Thị Tuyết với công trình *Nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ, Nguyễn Ngọc Tư và Đỗ Hoàng Diệu* (2010), Trần Thị Thanh Mai với công trình *Nhân vật người phụ nữ trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư, Đỗ Hoàng Diệu và Phan Thị Vàng Anh* (2011), Bùi Thị Kim Phụng trong *Yếu tố tính dục trong sáng tác của nhà văn nữ từ thập kỷ 80 của thế kỉ XX đến nay* (Khảo sát qua tác phẩm của Phạm Thị Hoài, Y Ban, Võ Thị Hảo, Đỗ Hoàng Diệu, Đoàn Lê) (2011), Nguyễn Thị Thùy Linh tập trung khảo sát *Nhân vật nữ trong truyện ngắn Đỗ Hoàng Diệu từ góc nhìn giới* (2019)... Nhìn chung, các công trình trên khảo sát tác phẩm của Đỗ Hoàng Diệu dưới góc nhìn xã hội học và nữ quyền chứ chưa có công trình nào vận dụng lý thuyết chấn thương kết hợp với chủ nghĩa hiện sinh để khám phá những phương diện độc đáo và chiều sâu nhân bản của thế giới nhân vật. Khoảng trống ấy là cơ sở để chúng tôi thực hiện bài viết này.

Điểm nổi bật về thế giới nhân vật trong sáng tác của Đỗ Hoàng Diệu là họ đa số bị chấn thương. Đó là những con người luôn bị ám ảnh vì dư chấn từ những vết thương của quá khứ, hay từ tác động của cuộc sống hiện tại. Qua họ, nhà văn Đỗ Hoàng Diệu đã phản ánh một cách sâu sắc hiện thực cuộc sống cũng như bày tỏ niềm trăn trở về nhân tình thế thái trong cuộc sống hiện tại. Việc sử dụng hướng tiếp cận văn học chấn thương kết hợp với lý thuyết hiện sinh để tìm hiểu về các nhân vật trong sáng tác của Đỗ Hoàng Diệu là hướng đi mang tính thực tiễn nhằm lí giải, khám phá những tìm tòi đổi mới của tác giả trên hành trình sáng tạo nghệ thuật.

Từ cơ sở lý luận trên, chúng tôi vận dụng phối hợp các phương pháp sau:

– Phương pháp so sánh: nhằm so sánh giữa các tác phẩm cùng một tác giả, giữa tác giả Đỗ Hoàng Diệu với tác giả Kawabata để thấy được điểm tương đồng và khác biệt; từ đó, sáng rõ con người chấn thương trong sáng tác của Đỗ Hoàng Diệu.

– Phương pháp Phân tâm học: dùng để khảo sát tâm lý chấn thương và nỗ lực chữa lành của các nhân vật.

– Phương pháp Xã hội học: dùng để khảo sát cơ sở xã hội trong việc gây nên sự chấn thương cho con người trong sáng tác của Đỗ Hoàng Diệu.

– Phương pháp phân tích – tổng hợp: vận dụng phương pháp này để phân tích những biểu hiện của chấn thương tác động đến tâm lý nhân vật. Từ đó, đi đến tổng hợp, khái quát, khẳng định chiều sâu ý nghĩa của vấn đề.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Con người chấn thương do đổ vỡ tình yêu và hôn nhân

Văn là người. Văn học luôn hướng đến số phận con người, đặt biệt là những con người bất hạnh. Từ văn học dân gian đến văn học hiện đại, các tác giả quan tâm nhiều nhất đến những người đau khổ. Dù sự đau khổ có đến từ bom đạn chiến tranh, đến từ những lễ giáo, tập tục lạc hậu, đến từ lòng dạ hiểm độc của con người... thì cũng gây cho con người những chấn thương tâm lý nhất định. Hướng đến đối tượng con người bị chấn thương, văn học luôn chạm đến nỗi niềm trắc ẩn nhất của con người, nên dễ đánh thức niềm thương cảm; từ đó dễ đánh thức lương tri của xã hội.

Văn học trung đại khắc họa con người chấn thương chủ yếu do chiến tranh chống ngoại xâm và nội chiến, do lễ giáo phong kiến bảo thủ gây ra... Văn học hiện đại đến 1975, con người chấn thương vẫn cơ bản do chiến tranh (có sự khác biệt lớn về con người chấn thương của hai nền văn học Nam và Bắc). Từ sau 1986, chiến tranh đã lùi xa, tư tưởng đổi mới, nền văn học Việt Nam như được “cởi trói”, để mở toang cánh cửa đến với con người cá nhân, con người khát khao tình yêu và khát khao được sống là chính mình.

Có lẽ, do người phụ nữ bị chấn thương quá lâu trong xã hội nam tôn nữ ti, nên từ sau 1986, nhà văn nữ xuất hiện nhiều như đề “bung phá” chiếc củi nhốt thân phận người phụ nữ. Nhiều nhân vật nữ bị chấn thương được xây dựng, và để lại “những sang chấn tâm lý”

nhất định cho xã hội. Đặc biệt hơn hết, những người phụ nữ trong các tác phẩm của Đỗ Hoàng Diệu loay hoay đi tìm tình yêu như Vy trong *Tình chuột*, cô gái trong *Dòng sông hủi*, cô gái trong *Vu quy*, người đàn bà trong *Lưng rồng*, Thơ trong *Lam Vỹ*,... nhưng kết quả nhận lại chỉ toàn sự giả dối, lọc lừa, chiếm đoạt, đẩy họ đến những chấn thương tâm lý.

Nhân vật Vy trong *Tình chuột* yêu xa anh chàng Việt kiều Mỹ qua những cuộc điện thoại và tin nhắn. Dù chỉ gặp anh duy nhất một lần, nhưng trái tim Vy khao khát yêu thương cháy bỏng và luôn nhớ đến vòng tay chàng. Như lời ước hẹn, Vy chờ đợi một đám cưới trong mơ, ngây ngất trong niềm hạnh phúc trước cuộc hôn nhân dự kiến. Thế nhưng, suốt hai năm ròng rã đợi chờ, người yêu cô không trở về, Vy “*phớt lờ mọi lời khuyên lẫn giễu cợt của người thân bạn bè. Em ngồi cười ngây ngô xếp chiếc váy cưới màu trắng ngà vào góc tủ*” (Đỗ Hoàng Diệu, 2018), và tìm cách sang Mỹ với người yêu. Chỉ vì muốn tìm cách sang Mỹ, cô bị đẩy vào vòng tay của những gã đàn ông quyền lực, những tên trí thức có địa vị mang bộ mặt đạo đức giả, dụ dỗ các cô gái nhẹ dạ, non nớt để thỏa mãn sự dâm dăng của mình. Vy qua tay hết người đàn ông này đến người đàn ông khác, khiến cho thân xác cô bị vấy bẩn. Những lần trao thân ấy, ngoài đau đớn về thân xác, còn là nguyên nhân dẫn đến những khủng hoảng, chấn thương tâm lý cho cô. Khi bị xâm hại quá nhiều lần, Vy dường như phải vật lộn với những ám ảnh, căng thẳng tâm lý kéo dài khiến cho cô đau đớn thốt lên: “*Em ngạt thở anh ơi. Cứu em với... Người em ô uế quá, ô uế quá, ô uế thế này làm sao anh ôm vào lòng*” (Đỗ Hoàng Diệu, 2018). Cô tìm đến cái chết bằng gói thuốc chuột, để kết thúc cuộc đời với những bí mật, những nỗi đau không nói nên lời. Chọn cái chết là kết quả của việc hứng chịu tiêu cực lâu dài. Ngoài ra, đó còn là hành động tự giải thoát cho chính mình khỏi những trái ngang cuộc đời. Đó là hành động của tận cùng nỗi đau, nhưng có lẽ là cách duy nhất để Vy có thể trở về với bản ngã cuộc đời mình, tìm đến một thế giới khác, một thế giới không có “*chuột chù, chuột cống, chuột đồng, chuột bạch*”. Cái chết của Vy chính là hồi còi báo động thực trạng đen tối của xã hội, xung quanh mình luôn có những kẻ xấu xa, sẵn sàng chà đạp người phụ nữ với dục vọng thấp hèn.

Khác với Vy, nàng ALú xinh đẹp nhất vùng trong *Huyền thoại về lời hứa*, có giọng hát thánh thót như sơn ca ở *Bản Lai*, say đắm trong tình yêu với chàng trai khỏe mạnh, có tài bắn cung giỏi nhất nước. Đôi trai tài gái sắc “*Có hàng trăm cuộc hẹn hò bên bờ Nóm Mơ với tình yêu mãnh liệt, cháy bỏng*” (Đỗ Hoàng Diệu, 2005). Nàng hạnh phúc chờ ngày kết tóc xe duyên. Nhưng giặc ngoại xâm tràn vào bờ cõi, chàng phải ra đi. Chàng hẹn nàng một năm sau đúng ngày 20 tháng 3 sẽ đoàn tụ. Khi chàng trai ra đi, A Lú luôn giữ trọn trong tim lời thề son sắt và tin rằng “*Anh ấy sắp về, anh ấy đang về*” (Đỗ Hoàng Diệu, 2005). Tuy nhiên, khi đất nước sạch bóng quân thù, nàng cứ đợi thời gian trôi mãi mà chàng vẫn biệt tăm. Cô dần hiểu ra sự thật anh không bao giờ về nữa. Hy vọng, chờ đợi để rồi rơi vào tuyệt vọng, đó là biến cố lớn xảy ra trong cuộc đời cô. Quá đau đớn, cô quyết định lìa xa cuộc đời: “*Sóng chồm lên liếm gót chân nàng, tiễn đưa...*” (Đỗ Hoàng Diệu, 2005). Có thể nói, chấn thương tâm lý xuất hiện khi con người trải qua những biến cố, mất mát lớn trong cuộc đời mà không thể vượt qua. Việc dồn nén quá lâu, căng thẳng kéo dài và tìm đến cái chết, ta gọi đó là khủng hoảng hiện sinh.

Chấn thương tâm lý giữa các cá nhân là khác nhau, theo kinh nghiệm chủ quan, mỗi người sẽ phản ứng lại với các sự kiện chấn thương theo cách khác nhau. Trong hành trình tìm kiếm tình yêu, cô gái trong *Dòng sông hủi* sống trong sự ích kỉ, bệnh hoạn của chồng nên cô luôn khao khát được yêu thương, kiếm tìm một tình yêu khác. Đó là một trong số ít những người chấn thương có khả năng bảo vệ mình và đối phó với chấn thương. Tuy nhiên, khi cô say đắm trong vòng tay Trí, những tưởng Trí sẽ là nơi vỗ về an ủi trái tim băng giá của cô nhưng cuối cùng Trí cũng rời xa cô, để lại cô vẫy vùng trong đón đau: “*Tôi cần tình yêu, tôi cần đời sống con người*” (Đỗ Hoàng Diệu, 2005).

Huệ trong *Cổ thụ* cũng là nhân vật bị chấn thương tâm lý. Cô là một cô bé mồ côi hăng ngày phải lao động vất vả như nô lệ, không người yêu thương, che chở. Mười tuổi, cô bỏ chạy khỏi trại mồ côi, rồi đời cô phiêu dạt, chẳng biết sẽ đi về đâu. Huệ trở thành gái điếm để có thể tồn tại giữa cuộc đời đen bạc, vừa để khoả lấp nỗi trống vắng, hoang lạnh trong tâm hồn. Ở Huệ, ta thấy những dấu hiệu chấn thương từ mặc cảm quá khứ từng trải qua cuộc đời đầy tủi nhục với thân phận làm dĩ. Điều đặc biệt là Huệ chỉ đứng đợi khách dưới gốc cổ thụ già và trò chuyện với cổ thụ như những người tri âm. Đó là cách mà cô dùng để giải toả tâm lý khi không biết chia sẻ cùng ai. Cô biết rằng cả cuộc đời đau đớn, ê chề của mình chưa bao giờ có được giây phút ngọt ngào, êm ái. Vậy nên, khi trải qua cảm giác ngọt ngào với năm chàng trai trẻ, ngày nào cô cũng nhớ, “*Ngày nào Huệ cũng nhớ chuyện ấy, gần hai mươi năm, ngàn đêm rồi Huệ. Huệ không chán, mỗi khi nói chuyện ấy Huệ vui lắm, ừ, năm chàng trai trẻ đêm ấy, cái đêm hôm ấy, làm sao đã quên được*” (Đỗ Hoàng Diệu, 2018). Chính những giây phút hạnh phúc nhỏ nhoi ấy là vùng kí ức đẹp làm cô không thể nào quên, cô sống mãi với khoảnh khắc ấy và lấy đó làm liều thuốc giảm đau cho tâm hồn của mình.

Có thể nói, mỗi nhân vật trong tác phẩm đều chịu nhiều niềm đau riêng, nhưng ở mỗi người, việc chọn đối phó với những chấn thương là khác nhau. Có những người không thể tìm thấy câu trả lời thỏa đáng cho cuộc đời mình, cảm thấy thất vọng, đánh mất niềm tin vào cuộc sống, cảm thấy tội lỗi khi nhớ về quá khứ khiến họ thường xuyên rơi vào tình trạng buồn bã dẫn đến ý định tự sát. Tuy nhiên, cũng có những người mạnh mẽ dám đối đầu, tìm cách thoát ra khỏi cảm xúc tiêu cực hiện tại. Họ vượt qua bằng cách lưu giữ những khoảnh khắc vui vẻ, hạnh phúc để củng cố thêm niềm tin trong cuộc sống.

3.2. Con người chấn thương do bị tấn công tình dục và những tư tưởng cổ hủ

Tự nguyện hiến dâng cho tình yêu hạnh phúc bao nhiêu thì người phụ nữ bị cưỡng đoạt trình tiết đau khổ bấy nhiêu. Đỗ Hoàng Diệu đã cất lên tiếng nói đầy thương cảm, thấu hiểu trước nỗi sợ hãi đau đớn, ám ảnh bị cưỡng đoạt trình tiết của người phụ nữ. Ngoài những đau đớn thân thể, người từng tiếp xúc với những trải nghiệm đau thương như đã từng bị tấn công tình dục sẽ có nguy cơ dẫn đến các triệu chứng chấn thương tâm lý. Họ uất nghẹn khi nhớ lại bản thân từng bị chiếm đoạt, chà đạp trong quá khứ. Thơ trong *Lam vỹ* là một điển hình, cô bị xâm hại ngay từ khi tuổi vừa tròn mười lăm: “*đêm thứ ba sau sinh nhật mười lăm, em bán mình cho quý, có thể anh sẽ bảo quý đã lừa dụ em như*

quan tòa thể nào cũng tuyên bố người đàn ông mang bộ mặt quỷ dữ đã tấn công bé gái” (Đỗ Hoàng Diệu, 2016). Ở giai đoạn đẹp nhất của cuộc đời, đáng lẽ cô có được một tuổi thơ trong sáng và đẹp đẽ; nhưng cô đã phải trải qua chuỗi ngày đen tối. Việc bị tấn công tình dục trong quá khứ đã gây ra những chấn thương tâm lý cho cô bé tuổi đời còn rất trẻ, khiến cô ám ảnh: *“Tận bây giờ, em vẫn chưa thôi băn khoăn chuyện đêm đó. Nếu ông ta đã đè em trên chiếc giường thơm tho lãng mạn với tơ rèm liễu rủ cùng chăn gối xa hoa, em có đã nghĩ mình bị cưỡng hiếp? Có lẽ không, bởi sau lần đầu gặp hắn, những hình ảnh đó từ chiêm bao xa xôi trôi đến lãng vãng suốt ngày, khoảnh khắc đó nếu thành hiện thực có khi trở nên tuyệt tác tình tang. Đằng này tên bánh bao thơm tho ấy lại chặn đập em sau lùm cây ven đường vào một đêm trắng khuyết xám lạnh”* (Đỗ Hoàng Diệu, 2016). Vết thương đó quá sức tưởng tượng đối với Thơ, nó kéo dài dai dẳng từ thời thơ ấu cho đến khi Thơ trưởng thành, tạo nên một giai đoạn khủng hoảng tâm lý. Tuy nhiên, dù những điều này đã đi vào tiềm thức của Thơ, nhưng Thơ đã chọn cách đối mặt với nó, để rồi cô gái bé nhỏ ấy mạnh mẽ, kiên cường che lấp nỗi đau: *“Dùng kiên cường và dối trá, bàn tay nhỏ của em non nớt khâu vá lại tấm màn trinh đức hạnh để bàn thờ đạo đức được an lành”* (Đỗ Hoàng Diệu, 2016). Thơ muốn che giấu, chôn vùi nó mãi mãi vì bản thân cô đang sống trong một xã hội còn chưa thoát khỏi những tư tưởng cổ hủ. Thơ hiểu rằng trình tiết không chỉ quan trọng với người con gái mà nó còn là “bảo bối” để đảm bảo hạnh phúc gia đình sau này. Với người phụ nữ “không chồng mà chửa” lại là nỗi nhục nhã ê chề của gia đình dòng họ, và bị xã hội xem thường. Nỗi đau vì bị xâm hại khiến cô phải che giấu đi không muốn để ai biết sự thật. Thơ rơi vào nỗi cô đơn, cô luôn gặm nhấm nỗi niềm riêng mình và *“tuyệt nhiên chẳng có nhu cầu sẻ chia”* (Đỗ Hoàng Diệu, 2016). Bởi lẽ, cô không chỉ sống cho mình mà còn sống cho cả gia đình mình tránh khỏi những tai tiếng, dị nghị. Khi tình yêu đến, Thơ lao vào yêu Việt với một trái tim cuồng si, dâng cả tâm hồn và thể xác cho người mình yêu. Với Thơ, Việt là cả cuộc đời, là sự sống của cô. Khi bị Việt bỏ rơi, Thơ tuyệt vọng, khiến cô rơi vào bế tắc và quyết định uống thuốc độc để kết liễu đời mình *“tôi yêu Việt và tôi muốn tự tử khi anh bỏ đi”* (Đỗ Hoàng Diệu, 2018). Thơ uống thuốc độc để tự tử mà không hề biết rằng trong mình có thai. Khi nằm cấp cứu ở bệnh viện, Thơ mới biết *“Thai nhi còn quá nhỏ, trước hình ảnh siêu âm bây giờ chưa thể hiện được điều gì. Nhưng chất độc chị uống rất nguy hiểm. Dù cấp cứu kịp thời, nhiều khả năng không để lại di chứng cho chị nhưng thai nhi lại là chuyện khác”* (.....). Nỗi đau như xếp chồng lên, Thơ bắt buộc phải chọn cách từ bỏ đứa con với người đàn ông cô yêu. Khi phá thai, trái tim cô ngượng cứng, *“Các bộ phận trong cơ thể giằng xé kết án nhau ... tâm hồn cô trống hoác, nỗi đau khổ thông thống đi vào, thông thống rơi đến khôn cùng”* (Đỗ Hoàng Diệu, 2018). Cũng từ đó mà Thơ lao vào cuộc tình chóng vánh với Huy, với Vĩnh. Những cuộc tình ấy chỉ thỏa mãn thể xác để Thơ chiều chuộng cảm xúc bản năng của mình mà không có tình yêu. Tuy nhiên, những cuộc tình ấy không thể kéo con người khỏi vực thẳm mà còn chìm người ta sâu hơn vào thế giới không lối thoát.

Điều này có thể làm chúng ta liên tưởng ngay đến số phận nữ họa sĩ tài hoa Ueno trong tác phẩm *Đẹp và Buồn* của nhà văn người Nhật - Kawabata Yasunari. Mười lăm

tuổi, nàng đã yêu say đắm một người đàn ông có vợ và con. Ueno với vẻ đẹp trong sáng đã dâng hiến tất cả cho người mình yêu mà không hề so đo, tính toán. Anh ta cũng yêu Ueno nhưng không thể bỏ vợ và con. Sau khi Ueno đi bệnh viện phá thai, nàng gần như phát điên. Mẹ nàng muốn nàng đoạn tuyệt hẳn với người tình nên đã đưa nàng đi Kyôto. Nàng học họa và trở thành một họa sĩ nổi tiếng. Tuy nhiên, hình ảnh của người đàn ông luôn ám ảnh trong tâm trí nàng. Đến cuối tác phẩm, nàng tìm mọi cách để mê hoặc con trai của người tình năm xưa để trả thù. Ở hai tác phẩm này, ta thấy có hai sự gặp gỡ. Thứ nhất là quan niệm về cái chết, cũng giống như Nhật Bản, tại Việt Nam có rất nhiều người tin theo đạo Phật. Vì vậy mà, dưới xét dưới góc độ quan niệm văn hóa truyền thống người Việt và Nhật đều có một cái nhìn chung đối với sự sống và cái chết. Cả hai quốc gia đều quan niệm có linh hồn, linh hồn của người chết có thể giao tiếp với người thân qua một thế giới khác gọi là thế giới tâm linh. Theo cuốn *Cơ sở văn hóa Việt Nam* của GS.TS Trần Ngọc Thêm, do cho rằng trong con người có phần xác và phần hồn, sau khi chết, linh hồn sẽ về nơi “*thế giới bên kia*”, cho nên người Việt Nam rất bình tĩnh, yên tâm chờ đón cái chết. Người Nhật cũng vậy, cái chết, đối với người Nhật không phải là sự sợ hãi, mà là một thách thức mỹ lệ. Người Nhật nhận thức ra sự phù du, ngắn ngủi của cuộc đời; vì thế mà, họ càng nâng niu, tận hưởng cuộc sống trong từng khoảnh khắc. Cái chết làm cho họ hiểu hơn ý nghĩa của sự sống. Chết không đáng sợ, mà không tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống mới là đáng sợ. Mặt khác, có lẽ quá trình phát triển của nước Nhật trong lịch sử có rất nhiều cuộc nội chiến, tranh đoạt quyền lực liên miên gây ra tình trạng đất nước lúc nào cũng chìm trong không khí tang tóc và đau thương nên người Nhật chấp nhận và đối diện với cái chết một cách bình thản hơn. Điều này có điểm tương đồng so với lịch sử dân tộc Việt Nam, cũng là một đất trải qua rất nhiều những biến cố lịch sử, và người Việt xem “cái chết nhẹ tựa lông hồng”; con người thấu hiểu sinh - tử là lẽ thường của mọi sự sống, là con người giác ngộ. Vì vậy, các vua chúa ngày xưa bao giờ cũng lo việc mộ phần chu tất ngay từ khi còn tại vị; các lăng mộ được xây cất ở Huế rất nhiều. Sự gặp gỡ thứ hai là quan niệm “trinh tiết” và tư tưởng Nho giáo. Nếu như trong lịch sử Việt Nam, một thời gian dài nước ta bị đô hộ bởi nhà nước phong kiến Trung Quốc, nên chịu ảnh hưởng mạnh từ văn hóa, giáo dục Trung Quốc. Thì tại Nhật ngay từ thời kỳ Nara, nhà nước phong kiến đã cử đoàn du học sinh đầu tiên ra nước ngoài học tập để trở về phát triển và xây dựng đất nước với điểm đến Trung Hoa. Vậy nên cả Nhật Bản và Việt Nam, nền văn hóa, giáo dục đều chịu ảnh hưởng từ đất nước Trung Hoa. Vì thế mà, nàng Ueno trong tác phẩm *Đẹp và Buồn* của Kawabata Yasunari cùng các nhân vật nữ trong sáng tác của Đỗ Hoàng Diệu bị đẩy đến những chấn thương tâm lý, buộc họ phải loay hoay tìm cách trốn chạy và giải thoát cho cuộc đời mình.

Suốt hàng nghìn năm lịch sử, Nho giáo đã trở thành hệ tư tưởng chi phối mọi mặt trong đời sống xã hội Việt Nam. Những quan niệm đạo đức chuẩn mực “*tam tông, tứ đức*” được thiết lập như một hệ giá trị để người phụ nữ lấy đó làm chuẩn mực thực hiện. Những tư tưởng ấy cũng là nguyên nhân vì “*Tình trạng chấn thương tinh thần thường bắt đầu từ một sự kiện va chạm quá ngưỡng giữa cái tôi cá nhân với môi trường xã hội bao*

quanh” (Nguyễn Thành Thi, 2011). Cô gái trong *Vu quy* dường như dùng cả tuổi thanh xuân để kiếm tìm hạnh phúc, nhưng bất hạnh thay, cô phải nghe theo lời bố mẹ lấy người đàn ông ngoại quốc. Vào đêm tân hôn với chồng, cô mới nhận ra rằng người đàn ông ấy chỉ là xác ướp. Ngay lập tức, cô muốn từ bỏ. Nhưng khi về nhà, cô bị cha ngăn cản: “*Con phải quay trở lại khách sạn với chồng con. Số kiếp đã như vậy rồi, gái chính chuyên phải một chồng, biết vâng phục chồng và xã hội*” (Đỗ Hoàng Diệu, 2005). Câu nói của người cha đại diện cho thể chế, quan niệm “traí năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng”. Cuộc hôn nhân lạc lõng trong tâm hồn, lạc điệu trong thể xác đã khiến cô rơi vào vực thẳm của cô đơn, tuyệt vọng. Cô chìm vào quá khứ để quên đi hiện tại, dùng đam mê tình dục trong quá khứ để hòa giải cô đơn, tuyệt vọng của thực tại. Trong suy nghĩ, cô luôn muốn trốn thoát khỏi những áp chế của gia đình, thoát khỏi quan niệm cổ hủ của xã hội.

Chấn thương vì bị xâm hại còn được thấy trong *Bóng đè*. Nhân vật cô con dâu đã sợ hãi khôn cùng khi nhớ lại cái buổi trưa hôm ấy “*chúng vờn vượt trên da thịt non tơ hào hức của tôi. Về sau tôi biết mình đã đánh mất điều quý giá ấy nhất buổi trưa hôm ấy. Chúng đã cướp mất cuộc đời con gái khi vừa chớm đến, khi tôi vừa mới biết xò tay thành thạo vào chiếc su chiêng. Chúng cho tôi biết nỗi sợ hãi khôn cùng*” (Đỗ Hoàng Diệu, 2005). Những điều cấm kỵ, linh thiêng trở thành thể lực áp bức một người phụ nữ. Người con dâu trong *Bóng đè* bị những bóng ma của tổ tiên nhà chồng cưỡng hiếp mỗi khi trở về. Bốn lần về nhà chồng là bốn lần cô con dâu nếm trải cảm giác hãm hiếp ấy. Sợ hãi trước sự hãm hiếp nhưng thâm tâm lại có cảm giác mong chờ. Người con dâu như đại diện cho đại đa số người dân Việt Nam với tư tưởng nô lệ, luôn sợ hãi, nhưng lại không có cách nào thoát ra khỏi nỗi sợ hãi ấy. Ngược lại, cô còn có cảm giác thích thú những khoái lạc thể xác, điều mà chồng cô không thể mang lại. Những quan niệm cổ hủ xô đẩy người con dâu vào mớ bòng bong của những quan niệm, tín ngưỡng cổ xưa, những mối quan hệ mẹ chồng - nàng dâu, chị dâu - em chồng. Tất cả tạo thành một sợi dây vô hình trói lấy người con gái vốn quen lối sống phóng đạt và tự nhiên của thành thị. Cô chẳng biết cầu cứu, nương tựa vào ai khi chồng cô - Thụ, là một người đàn ông không thể làm cô thỏa mãn, lại nhu nhược. Mang trong tim một nỗi niềm u uất không thể giải tỏa, nội tâm cô luôn thường trực những đau khổ, sợ hãi trước đêm bị bóng đen hành hạ thân xác nhưng cô lại mong chờ bóng đè sẽ trở lại đáp ứng những “đòi hỏi”. Cô nương tựa vào những khoái cảm tình dục lúc bị bóng đè để xoa dịu đi những cô đơn, bế tắc của cuộc sống. Vì lẽ đó mà khi về đến thành phố, cô đã thay tất cả vật dụng trong nhà bằng màu đỏ giống như màu đỏ trên bàn thờ nhà chồng với hy vọng chìm trong cảm giác nhục dục để có thể quên được sự cô đơn bên người chồng. Nhưng tình dục không làm cô thoát khỏi vực thẳm khổng lồ mà còn chìm cô sâu hơn vào bể tắm tối không lối thoát.

Đó còn là nỗi đau âm ỉ của cô gái trong *Lưng rộng*: “*Em mồ côi, ở với dì, Bà dì bán trình em cho gà buôn chó nên em từ bãi tha ma làng ngoại thành chạy hơn bốn mươi cây số vào thành phố trong đêm mưa phùn với lân tinh dẫn đường*” (Đỗ Hoàng Diệu, 2018). Vừa không nơi nương tựa, vừa bị chính người thân duy nhất đối xử tàn nhẫn, cô đã bị đẩy vào kiếp gái làng chơi nhục nhã, ê chề. Những vết thương lòng theo thời gian sẽ dần nguôi

ngoại, còn vết thương bị xâm hại luôn âm ỉ, đau nhức, hoại tử không thể nào lành được. Và chỉ có cái chết mới giúp con người được giải thoát. Thân phận đàn bà trong xã hội nam quyền đầy những giáo điều luôn bị ràng buộc bởi những quy định khắt khe, khắc nghiệt. Những thiết chế nam quyền tạo nên những “bóng đè” vô hình và hữu hình luôn đè nặng, “hăm hiếp” người phụ nữ, đẩy cuộc đời họ vào bi kịch cuộc đời. Không chỉ xã hội phong kiến xưa kia mà ngay cả trong một xã hội hiện đại ngày nay vốn rất nhiều người lấy khuyến răn của Nho giáo để thiết lập các luật lệ trong quan hệ gia đình.

4. Kết luận

Xã hội Việt Nam không chỉ đang phải chịu đựng những chấn thương từ quá khứ di căn, tạo nên những nhức nhối, bất ổn của chính hiện tại; mà còn bởi một đời sống đương đại bất trắc đầy những nguy cơ tổn thương. Theo Trần Thái Đình *“quá khứ không bao giờ chỉ là quá khứ, cũng như không thể có một hiện tại chỉ là hiện tại. Heidegger thường nói “chúng ta chỉ là cái mà chúng ta đã là”. Hiện tại của ta hôm nay là thành quả của những thể hiện và ý nghĩ trước đây của ta”* (Trần Thái Đình, 2008). Có thể nói, người phụ nữ là đối tượng dễ chịu nhiều chấn thương tâm lý nhất. Bởi lẽ, họ là phái yếu, là đối tượng thường gặp các tác động bạo lực về thể xác lẫn tâm hồn. Người phụ nữ trong tác phẩm của Đỗ Hoàng Diệu đều là những người phụ nữ bị nhân tình bỏ rơi, họ chơi vơi, đau đớn tột cùng trong nỗi đau bị phụ bạc, phản bội. Thêm vào đó, người phụ nữ phải đối diện với vô vàn nỗi lo lắng, sợ hãi vì định kiến và cả sự suy sụp tinh thần. Những kí ức về việc bị phản bội, bị làm nhục hoặc chia ly lớn có thể gây tác động đến tâm lý, dẫn đến nỗi sợ hãi, bất lực hoặc khủng hoảng kinh hoàng.

Hiện nay, có vô số những lý do dẫn đến chấn thương tâm lý mà con người gặp phải. Đó là khi mọi chuẩn mực trong đời sống đang dần mất đi, các giá trị đảo lộn, con người hứng chịu những chấn thương tâm lý nặng nề từ những rạn vỡ tình thương, từ những đổ vỡ của gia đình và xã hội. Vết thương đó quá sức tưởng tượng, khiến nhân vật bị shock và sang chấn kéo dài. Điều này dẫn đến việc con người tự vấn bản thân về mục đích sống của mình, ý nghĩa cuộc sống của mình; họ đặt ra câu hỏi về sự tồn tại và vị trí của mình trên thế giới này. Qua việc khảo sát con người chấn thương trong các sáng tác của nhà văn nữ Đỗ Hoàng Diệu, phần nào giúp chúng ta thấy được những tác động xã hội đến người phụ nữ. Mặt khác, góp phần giáo dục thế hệ trẻ tương lai chuẩn bị hành trang tâm lý vững vàng khi bước vào đời, biết tránh những thế lực gây chấn thương cho mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đặng Hoàng Oanh (2021). Phác thảo hành trình của lí thuyết chấn thương trong lịch sử tư tưởng phương Tây. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, 4, tr. 18.
- [2] Đỗ Đức Hiểu (1978). *Phê phán văn học hiện sinh chủ nghĩa*. NXB Văn học Hà Nội.
- [3] Đỗ Hoàng Diệu (2005). *Bóng đè*. NXB Trẻ.

- [4] Đỗ Hoàng Diệu (2016). *Lam vỹ*. NXB Trẻ.
- [5] Đỗ Hoàng Diệu (2018). *Lung rỗng*. NXB Hội Nhà văn.
- [6] Jean-Paul Sartre (Đình Hồng Phúc dịch) (2016). *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản*. NXB Văn hóa dân tộc.
- [7] Kawabata Yasunari (Mai Kim Ngọc dịch) (2019). *Đẹp và buồn*. NXB Hà Nội.
- [8] Nguyễn Thành Thi (2011). *Tiếng nói của cái tôi bị chấn thương và tính khả dụng của yếu tố nhật kí, trình thám trong tiểu thuyết*. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Những lần ranh văn học*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [9] Thomas Flynn (Đình Hồng Phúc dịch) (2018). *Chủ nghĩa hiện sinh dẫn luận ngắn*. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [10] Trần Ngọc Thêm (1999). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. NXB Giáo dục.
- [11] Trần Thái Đình (2008). *Triết học hiện sinh*. NXB Văn học.